

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 12 - 2021

*“Về ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Chuyên và bà Trần Thị Hương Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 200/2021/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/11/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/HNGĐST- QĐ ngày 14/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu dân cư L, phường C, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh K, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: Khu dân cư L, phường C, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương; hiện đang chấp hành án tại đội 16, phân trại số 3, trại giam Hoàng Tiến – Cục C10 – Bộ Công an. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Vũ Thị N và bị đơn anh Nguyễn Minh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh K kết hôn với nhau ngày 26/12/2012, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã Ch (nay là thành phố Ch), tỉnh Hải Dương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới anh chị về chung sống với nhau tại khu dân cư L, phường C, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương. Vào các năm 2016, 2018, 2020 anh K bị Tòa án nhân dân thành phố Ch kết án và phải đi cải tạo tại trại giam, hiện nay anh K vẫn đang cải tạo tại trại giam Hoàng Tiến – Cục C10 – Bộ Công an.

Theo chị N thì anh chị phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K mãi chơi, không chăm chỉ làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Từ đó vợ chồng hay xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh K đã nhiều lần bị Tòa án kết án và phải đi cải tạo tại trại giam, cuộc sống vợ chồng giữa anh chị không hạnh phúc. Tuy anh K đã được gia đình khuyên bảo nhiều lần và bản thân chị đã nhiều lần cho anh K cơ hội để sửa sai nhưng anh K vẫn không thay đổi, vẫn mãi chơi, ghen tuông vô cớ, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, xã hội. Đến tháng 8/2020 anh K bị Tòa án kết án và phải đi cải tạo tại trại giam, lúc này vợ chồng anh chị mâu thuẫn trầm trọng, chị không còn niềm tin và tình cảm đối với anh K. Từ tháng 3/2021 chị không đến trại giam thăm anh K. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Theo anh K thì quá trình những lần anh đi cải tạo tại trại giam, chị N vẫn đến thăm anh. Từ tháng 3/2021 thì chị N không còn thương yêu anh, không đến trại giam thăm anh và đã bày tỏ quan điểm muốn ly hôn với anh. Anh không đồng ý ly hôn chị N với lý do anh vẫn còn tình cảm với vợ và không muốn gia đình tan vỡ, ảnh hưởng đến con cái.

Về quan hệ con chung: Chị N và anh K có 02 con chung là Nguyễn Minh Hồng Nh, sinh ngày 17/11/2012 và Nguyễn Minh Hồng Kh, sinh ngày 29/01/2014, hiện các con đang sống cùng chị N. Chị N đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh K đồng ý để chị trực tiếp chăm sóc cho các con.

Về quan hệ tài sản: Chị N và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Vũ Đình T là bố đẻ của chị N và ông Nguyễn Minh K1, bà Nguyễn Thị N1 là bố mẹ đẻ của anh K đều trình bày: Chị N và anh K có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau đến khoảng năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân anh chị mâu thuẫn là do anh K mãi chơi, sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh K không khắc phục. Từ năm 2016 đến năm 2020 anh K nhiều lần bị Tòa án kết án và phải đi cải tạo tại trại giam, hiện nay anh K cũng đang phải cải tạo tại trại giam. Từ tháng 3/2021 đến nay chị N không đến trại giam thăm anh K, vợ chồng anh chị mâu thuẫn trầm trọng đến nay không thể tháo gỡ được. Anh chị có 02 con chung như chị N và anh K trình bày. Hiện nay cả hai con chung của anh chị đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc chu đáo. Còn anh K hiện đang chấp hành hình phạt tù, không có điều kiện nuôi con.

Các con chung của anh K và chị N là Nguyễn Minh Hồng Nh và Nguyễn Minh Hồng Kh đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Trưởng khu dân cư L, phường C, thành phố Ch cung cấp: Chị N và anh K có đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau ngày cưới anh chị chung sống với nhau và sống cùng với bố mẹ của anh K tại địa phương. Chị N là người chấp hành pháp luật tốt, còn anh K nhiều lần bị Tòa án kết án và phải đi cải tạo tại trại giam. Nay chị N xin ly hôn anh K, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết vụ án. Chị N và anh K có hai con chung, hiện nay các con

chung đều do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Trường hợp anh chị ly hôn thì đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Văn D - trưởng phòng tổ chức hành chính công ty cổ phần R (địa chỉ: Khu dân cư C1, phường C, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương) cung cấp: Chị N là công nhân làm việc tại Công ty từ tháng 5/2019 đến nay theo hợp đồng không xác định thời hạn, thời gian làm việc 08 giờ/01 ngày theo giờ hành chính, mức lương trung bình 8.000.000 đồng/01 tháng.

Cô Nguyễn Thị L - giáo viên chủ nhiệm của cháu Nguyễn Minh Hồng Nh và cô Cao Thị T - giáo viên chủ nhiệm của cháu Nguyễn Minh Hồng Kh đều cung cấp: Người nộp các khoản tiền cho cháu Nh, cháu Kh ở trường, người tham gia đầy đủ các buổi họp phụ huynh cho các cháu ở lớp và trực tiếp đưa, đón các cháu đi học là chị Nga - mẹ của các cháu.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N, cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Minh K. Về quan hệ con chung: giao cả hai con chung là Nguyễn Minh Hồng Nh, sinh ngày 17/11/2012 và Nguyễn Minh Hồng Kh, sinh ngày 29/01/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Minh K, đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư L, phường C, thành phố Ch, tỉnh Hải Dương; hiện nay đang chấp hành án tại phân trại số 3 - Trại giam Hoàng Tiến - Cục C10 - Bộ Công an nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho các đương sự. Nguyên đơn là chị N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh K 02 lần vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó đã có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Tại biên bản làm việc ngày

01/12/2021, bị đơn là anh K đề nghị Tòa án giải quyết vụ án, xét xử vụ án vắng mặt anh. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N và anh K.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Chị N và anh K kết hôn với nhau ngày 26/12/2012, trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã Ch (nay là thành phố Ch), tỉnh Hải Dương, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Nay chị N xin ly hôn anh K với lý do anh chị mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K sống thiếu trách nhiệm với gia đình, đã nhiều lần anh K bị Tòa án kết án và phải đi cải tạo tại trại giam. Hiện nay anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể khắc phục được, chị N không còn tình yêu và niềm tin đối với anh K. Anh K không đồng ý ly hôn với chị N với lý do anh vẫn còn tình cảm với vợ và không muốn gia đình tan vỡ, ảnh hưởng đến con cái. Tuy nhiên, anh K không có biện pháp để cải thiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Gia đình chị N và anh K đều xác định anh chị mâu thuẫn do anh K mãi chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình. Chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú xác định anh K là người chấp hành pháp luật chưa tốt, nhiều lần bị Tòa án kết án và phải đi cải tạo tại trại giam. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống, giữa chị N và anh K có mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K mãi chơi, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, xã hội, đã nhiều lần bị Tòa án kết án và phải đi cải tạo tại trại giam; hiện nay anh K vẫn đang chấp hành án tại trại giam; chị N không đến trại giam thăm anh K từ tháng 3/2021 đến nay. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho anh chị tại trại giam, nhưng chị N và anh K vẫn không thống nhất được việc giải quyết vụ án, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh K, còn anh K không đồng ý ly hôn chị N. Việc anh chị không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không sống chung; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn anh K.

Về quan hệ con chung: Chị N và anh K có 02 con chung là Nguyễn Minh Hồng Nh, sinh ngày 17/11/2012 và Nguyễn Minh Hồng Kh, sinh ngày 29/01/2014, hiện nay đang sống cùng chị N. Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi các con chung với chị. Xét chị N là người đang trực tiếp nuôi dưỡng các con, chị N có việc làm và thu nhập ổn định, được hai bên gia đình và địa phương ủng hộ việc nuôi con; bản thân cháu Nh và cháu Kh đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ; anh K hiện đang chấp hành án tại trại giam và đồng ý cho chị N được trực tiếp chăm sóc các con. Do vậy nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cả hai con chung là Nguyễn Minh Hồng Nh và Nguyễn Minh Hồng Kh cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của Tòa án

là phù hợp và đảm bảo được quyền và lợi ích của các con chung. Xét hiện nay anh K đang chấp hành án tại trại giam, không có điều kiện kinh tế để cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi các con chung với chị là sự tự nguyện của chị, phù hợp với đạo đức và pháp luật nên cần được chấp nhận.

Về quan hệ tài sản: Chị N và anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Vũ Thị Nga, cho chị Vũ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Minh K.

- Về quan hệ con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn Minh Hồng Nh, sinh ngày 17/11/2012 và Nguyễn Minh Hồng Kh, sinh ngày 29/01/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của Tòa án. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi các con chung với chị.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0002753 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Hậu

